

Bản án số: 545/2024/DS-PT
Ngày: 19 -7 - 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và
hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng
đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mươi

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng

Bà Bùi Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2176/2024/QĐPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị B, sinh năm 1940; địa chỉ: Khóm C, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà Dương Thị B: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1978; trú tại: Khóm C, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 23/3/2023 (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B1, sinh năm 1975; địa chỉ: Khóm C, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh T Trần Thế N, sinh năm 1990; địa chỉ: Số C, khóm A, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền ngày 04/7/2023 (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Kim Ron T1, là Luật sư thuộc Công ty L2 (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thị xã D; địa chỉ: Khóm A, phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt);
2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 (vắng mặt);
3. Ông Lê Minh T2, sinh năm 1953 (vắng mặt);
4. Chị Đặng Thị Đ, sinh năm 1981 (có mặt);
5. Bà Trần Thị T3, sinh năm 1953 (có mặt);
6. Anh Lê Vũ P, sinh năm 1981 (vắng mặt);
7. Anh Lê Vũ L, sinh năm 1985 (vắng mặt);
8. Chị Võ Bích T4, sinh năm 1980 (vắng mặt);
9. Anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 1964 (vắng mặt);
10. Anh Nguyễn Văn T6, sinh năm 1967 (vắng mặt);
11. Anh Nguyễn Văn V1, sinh năm 1970 (vắng mặt);
12. Anh Nguyễn Văn Vĩnh T7, sinh năm 1972 (có mặt);
13. Anh Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1984 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Khóm C, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh
14. Anh Nguyễn Hoàng C, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ (vắng mặt);
15. Anh Nguyễn Văn V2, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt);
16. Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn B1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Dương Thị B và người đại diện là anh Nguyễn Văn V trình bày: Gia đình bà B có thửa đất số 115, tờ bản đồ số 4 diện tích 970m² loại đất nuôi trồng thủy sản, tọa lạc tại khóm C, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh do bà Dương Thị B đứng tên. Nguồn gốc là do bà B nhận chuyển nhượng của ông Sơn N1 vào năm 1995 diện tích 7 công, từ khi nhận chuyển nhượng của ông N1 gia đình bà B giao cho anh Nguyễn Văn H là con bà B quản lý, canh tác sử dụng ổn định không ai tranh chấp và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gia đình bà B sử dụng đất được một thời gian thì ông Nguyễn Văn C1 (cha của anh B1) xin xỏ nhờ đường nước qua đất của bà B, sau khi ông C1 chết thì anh B1 sử dụng phần đất ông C1 để lại và xảy ra tranh chấp không cho bà B sử dụng. Nay bà B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh B1 trả lại phần đất đã lấn chiếm theo kết quả khảo sát, đo đạc tại Công văn số

915/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 27/9/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T diện tích thực đo là 599,3m², thuộc thửa đất 48, tờ bản đồ số 1, tọa lạc là khóm C, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Đối với diện tích 599,3m² nằm một phần trong tổng diện tích 25.250m², thửa 48, tờ bản đồ số 1, tọa lạc khóm C, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh đã được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Minh T2 ngày 04/5/1999 thì bà B yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để công nhận cho gia đình bà B được quyền sử dụng 599,3m² nêu trên.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B1 và người đại diện hợp pháp của anh B1 là ông T Trần Thế N trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp trước đây là của cha anh B1 là ông Nguyễn Văn C1 (đã chết) cho ông Sơn N1 sử dụng nhờ để xỏ nước, được một thời gian sau đường nước bị bẻ nên gia đình anh không xỏ nước chỗ này mà xỏ qua chỗ khác, việc ông Sơn N1 bán đất cho bà B thế nào và việc nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp cho ông Lê Minh T2 thì anh cũng không biết. Anh B1 khẳng định phần đất tranh chấp diện tích 599,3m² nằm một phần trong tổng diện tích 19.000m² tại thửa 53, tọa lạc khóm C, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh do cha anh đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh B1 không đồng ý công nhận đất tranh chấp cho gia đình bà B, anh thống nhất kết quả đo đạc tại Công văn số 915/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 27/9/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T (kèm theo sơ đồ khu đất).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H đứng về phía nguyên đơn: Trước đây gia đình anh có nhận chuyển nhượng đất của ông Sơn N1 07 công đất, có làm giấy tay, sau đó, ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 48A, diện tích 4.500m², tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại khóm C, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh, khi Tòa án tiến hành khảo sát, đo đạc thì gia đình ông mới biết phần đất tranh chấp diện tích 599,3m² nằm trong thửa đất số 48 do ông Lê Minh T2 đứng tên quyền sử dụng. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận diện tích đất là 599,3m², thuộc thửa đất 48, tờ bản đồ số 1, tọa lạc khóm C, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng của gia đình ông cho bà Dương Thị B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn anh Nguyễn Văn T6, anh Nguyễn Văn V1, anh Nguyễn Hoàng A, anh Nguyễn Văn Vĩnh T7, anh Nguyễn Hoàng C, anh Nguyễn Văn V2, chị Nguyễn Thị L1 thống nhất với ý kiến của anh B1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh T2 trình bày: Trước đây ông Sơn N1 có chuyển nhượng cho ông diện tích đất 25.250m², tờ bản đồ số 01, thửa 48 tọa lạc khóm C, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh, ông được Ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/5/1999. Ông thừa nhận phần đất tranh chấp giữa bà B với anh B1 diện tích 599,3m² nằm trong thửa 48 mà ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng là của bà B, diện tích đất này cũng do ông Sơn N1 chuyển nhượng cho bà B, ông đồng ý hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 48 tổng diện tích 25.250m², tờ

bản đồ số 1, để điều chỉnh trả lại cho gia đình bà B diện tích 599,3m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía ông Lê Minh T2: Bà Trần Thị T3, anh Lê Vũ P, anh Lê Vũ L, chị Võ Bích T4 thống nhất với ý kiến của ông T2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Đ trình bày: Phần đất tranh chấp chị đã nhận chuyển nhượng từ phía bà Dương Thị B từ năm 2016, với giá 180.000.000 đồng, chị đã giao đủ tiền cho bà B, hai bên chỉ làm giấy tay, nhưng do anh B1 ngăn cản nên chị chưa sử dụng và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay giữa bà B với anh B1 còn đang tranh chấp chưa giải quyết xong, hiện tại trên đất chị không có cất nhà hay trồng cây gì trên đất, chị chỉ yêu cầu Tòa án sớm giải quyết xong vụ án tranh chấp giữa bà B với anh B1 để việc chuyển nhượng đất đai của chị được thực hiện, chị không có yêu cầu tranh chấp trong vụ kiện này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã D trình bày: Tại Công văn số 739/UB-NC ngày 24/3/2022: Phần đất tranh chấp là do bà B nhận chuyển nhượng của ông Sơn N1 và việc sử dụng đất của bà B, ông T8 là liên tục. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn C1 và ông Lê Minh T2 đảm bảo đúng về trình tự, thủ tục tại thời điểm cấp giấy, tuy nhiên việc ông T2 được cấp quyền sử dụng đất tại thửa 48, trong đó có phần diện tích đất của bà B nhận chuyển nhượng của ông Sơn N1 là không đúng một phần về đối tượng sử dụng đất.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ khi tham gia phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Diện tích đất tranh chấp giữa bà Dương Thị B và anh Nguyễn Văn B1 diện tích thực đo là 599,3m² nằm trong tổng diện tích 25.250m² tại thửa 48 được cấp quyền sử dụng cho ông Lê Minh T2 có nguồn gốc là của ông Sơn N1 (đã chết) chuyển nhượng lại cho bà B vào năm 1995 hai bên có làm giấy tay sang nhượng, sau khi chuyển nhượng bà B để cho con ruột là Nguyễn Văn H đứng tên quyền sử dụng đất, suốt từ năm 1995 đến nay bà B vẫn là người quản lý canh tác sử dụng, nhưng khi nhà nước cấp quyền sử dụng lại cấp cho ông T2 là không đúng đối tượng, điều này được ông T2 thừa nhận diện tích 599,3m² mà ông được cấp quyền sử dụng đất tại thửa 48 là của bà B đồng ý trả lại cho bà B, phía anh B1 cho rằng đất là của ông C1 cha của anh B1 nhưng anh B1 không chứng minh được nguồn gốc, không kê khai đăng ký, không quản lý sử dụng đất ngày nào, từ trước đến nay đất này do bà B quản lý sử dụng, tại Công văn số 739/UB-NC ngày 24/3/2022 Ủy ban nhân dân thị xã D cũng đã xác định rõ việc cấp quyền sử dụng đất ông T2 tại thửa 48 có lấn sang đất của bà B. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 20 của Luật đất đai, Điều 34 của Bộ

luật tố tụng dân sự, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T2 tại thửa 48, giao diện tích 599,3m² cho bà B sử dụng, các bên có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, buộc anh B1 phải chịu án phí, chi phí thẩm định, định giá.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/HC-ST ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, quyết định:*

Căn cứ vào Điều 26; Điều 34; Điều 37; Điều 147; Điều 157; Điều 227; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 160, Điều 163 và Điều 164 của Bộ luật dân sự; Điều 95, Điều 97, Điều 98, Điều 166 của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của bà Dương Thị B.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 48 tổng diện tích 25.250m², tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là khóm C, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh) đã được Ủy ban nhân dân huyện D cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Minh T2 ngày 04/5/1999.

Công nhận diện tích đất thực đo 599,3m² thuộc một phần thửa 48, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là khóm C, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh) là tài sản của bà Dương Thị B, đất có vị trí tứ cận như sau:

- Phần đất (A2), vị trí như sau:

- + Hướng Đông giáp phần (B2) của thửa 48, kích thước 5,72m;
- + Hướng Tây giáp thửa 53, kích thước 8,16m;
- + Hướng Nam giáp phần (A3) của thửa 48, kích thước 34,73m;
- + Hướng Bắc giáp phần (A1) của thửa 53 kích thước 33,83m;

- Phần đất (A3), vị trí như sau:

- + Hướng Đông giáp phần (B3) của thửa 48, kích thước 9,33m;
- + Hướng Tây giáp thửa 53, kích thước 11,23m;
- + Hướng Nam giáp Quốc lộ E. Nhựa, kích thước 36,10m;
- + Hướng Bắc giáp phần (A2) của thửa 48, kích thước 34,73m;

Buộc hộ ông Lê Minh T2 gồm: Ông Lê Minh T2, bà Trần Thị T3, anh Lê Vũ P, anh Lê Vũ L, chị Võ Bích T4 có nghĩa vụ giao diện tích đất thực đo 599,3m² (phần A2, A3) thuộc một phần thửa 48, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là khóm C, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh) cho bà Dương Thị B.

Hộ anh Nguyễn Văn B1 không được quyền lấn chiếm, ngăn cản việc quản lý, sử dụng diện tích đất thực đo 599,3m² (phần A2, A3) thuộc một phần thửa 48, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là khóm C, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh) được công nhận cho bà Dương Thị B.

Ông Lê Minh T2, bà Dương Thị B có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án này.

Để đảm bảo cho việc thi hành án, khi bản án đã có hiệu lực pháp luật các đương sự có nghĩa vụ giữ nguyên hiện trạng, không được làm thay đổi hiện trạng dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được sự đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Bản án sơ thẩm còn quyết định chi phí tố tụng, về án phí, việc thi hành án và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

* Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 28/12/2023, ông Nguyễn Văn B1 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/HC-ST ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã thu thập cho thấy lời trình bày của ông B1 là không có căn cứ. Ông B1 kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ để chứng minh. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và đúng pháp luật.

Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trong vụ án này, quá trình giải quyết tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm đã có nhiều thiếu sót, cụ thể như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Trong tranh chấp này, phía nguyên đơn bà B khởi kiện về việc tranh chấp về quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Văn B1.

Trong khi đó, chứng cứ tại hồ sơ thể hiện: Lời khai của bà B cho rằng: diện tích đất tranh chấp đang do chính bà quản lý sử dụng; diện tích đất tranh chấp hiện nay đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Minh T2. Quá trình giải quyết, ông T2 cũng đã xác nhận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất tranh chấp cho ông là đã cấp nhầm. Ủy ban nhân dân thị xã D cũng đã có Công văn số 739/UB-NC ngày 24/03/2022 xác định rằng: Diện tích đất tranh chấp là do bà B nhận chuyển nhượng từ ông Sơn N1, việc bà B sử dụng đất là liên tục. Tuy nhiên, việc ông T2 được cấp quyền sử dụng đất tại thửa số 48, trong đó có phần diện tích đất bà B đã nhận chuyển nhượng là không đúng một phần về đối tượng sử dụng đất.

Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Nguyễn Văn B1 là bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận là không đúng.

[1.2] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đã nêu ở phần trên là tranh chấp về quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm lại tuyên: *Hộ anh Nguyễn Văn B1 không được quyền lấn chiếm, ngăn cản việc quản lý, sử dụng diện tích đất thực đo 599,3m² (phần A2, A3) thuộc một phần thửa 48, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là khóm C, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh) được công nhận cho bà Dương Thị B.*

Việc quyết định này là vượt quá yêu cầu của đương sự và được xem là vi phạm thủ tục tố tụng.

[2] Về nội dung đánh giá và quyết định của bản án sơ thẩm có mâu thuẫn, không đúng thực tế và không thể thi hành án được, cụ thể:

Như đã nhận định ở phần trên, diện tích đất tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì hiện nay chính nguyên đơn đang quản lý, sử dụng. Ông T2 là người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất này, ông không phải là người quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm tuyên: *“Buộc hộ ông Lê Minh T2 gồm: Ông Lê Minh T2, bà Trần Thị T3, anh Lê Vũ P, anh Lê Vũ L, chị Võ Bích T4 có nghĩa vụ giao diện tích đất thực đo 599,3m² (phần A2, A3) thuộc một phần thửa 48, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là khóm C, phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh) cho bà Dương Thị B.”* là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đúng thực tế tranh chấp và không thể thi hành án được.

[3] Về thu thập chứng cứ: Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn trình bày rằng, sự việc tranh chấp trước đây đã được Ủy ban nhân dân xã H1 giữa nguyên đơn và cha của ông B1 là ông C1, theo đó đã xác định và công nhận diện tích đất là của ông C1; bà D1, bà T3 là người liên quan cũng đã xác nhận có việc hòa giải này. Đây là chứng cứ cần phải thu thập mới đủ cơ sở để giải quyết vụ án. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập tài liệu này để làm cơ sở cho việc nhận định, đánh giá là thiếu sót.

Tóm lại: Do trong quá trình giải quyết tranh chấp này, Tòa án cấp sơ thẩm đã có nhiều sai sót, thu thập chứng cứ không đầy đủ và có mâu thuẫn trong việc nhận định và phán quyết. Những thiếu sót này đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, vì vậy cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Do hủy án sơ thẩm, vì vậy ông B1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn B1.

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2023/HC-ST ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn B1 số tiền đã tạm nộp án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0001519 ngày 29/12/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Đương sự;
- Lưu: DS, VP, 17b NThuy.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Công Mười